

NGHIÊN CỨU THÁI ĐỘ HỌC TẬP MÔN TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN CỦA SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Nguyễn Đức Ân
Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Thái độ học tập của người học là một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả học tập ngôn ngữ thứ 2 hoặc ngoại ngữ. Khi người học có thái độ học tập đúng đắn với môn học, kết quả học tập cũng dần được cải thiện. Để tìm hiểu thái độ học tập môn tiếng Anh không chuyên của sinh viên (SV) dân tộc thiểu số (DTTS) tại Trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB), chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với 125 SV năm thứ 1, 2 hệ đại học không chuyên dựa trên nhận thức về môn học, hứng thú - tình cảm với môn học, và hành vi học tập. Nghiên cứu chỉ ra rằng đa số SV nhận thức rõ được vai trò quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống và công việc sau này, tuy nhiên thái độ học tập mà các em dành cho môn học chưa cao và tích cực, điều này dẫn đến kết quả học tập bộ môn này của các em chưa cao. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thái độ học tập tích cực ở SV, cải thiện chất lượng dạy - học bộ môn Tiếng Anh không chuyên tại Trường ĐHTB.

Từ khóa: thái độ học tập, sinh viên dân tộc thiểu số, tiếng Anh, Đại học Tây Bắc.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời kì hội nhập khu vực và quốc tế diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tiếng Anh ngày càng trở nên quan trọng và cần thiết hơn bởi tiếng Anh chính là chìa khóa giúp quá trình hội nhập, hợp tác và giao lưu với các quốc gia khác được dễ dàng và thuận tiện hơn. Việc thành lập Đề án ngoại ngữ quốc gia (Quyết định 1400/QĐ-TTg, Chính phủ) cho thấy quyết tâm rất lớn của Chính phủ trong việc biến tiếng Anh trở thành thế mạnh của mỗi cá nhân và đất nước. Theo đó, tiếng Anh trở thành môn học bắt buộc tại tất cả các bậc học và các cơ sở giáo dục trên cả nước với thời lượng dành cho môn tiếng Anh được tăng lên đáng kể. Ở bậc đại học, Tiếng Anh thuộc nhóm môn chung bắt buộc đối với tất cả các đối tượng SV và là môn thi tập trung trong toàn trường.

Tuy nhiên, thực trạng về chất lượng dạy - học tiếng Anh ở các bậc học hiện nay đang rất báo động bởi sau nhiều năm học tập, nhiều học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn không thể sử dụng tiếng Anh mới mục đích giao tiếp cơ bản (Cam, 2015), đặc biệt, thực trạng này xảy ra với đa số học sinh, sinh viên ở vùng sâu, vùng xa (Bui, 2018). Chất lượng đào

tạo phụ thuộc vào nhiều yếu tố, không chỉ từ phía nhà trường và chương trình đào tạo, mà còn từ phía người học. Một trong những điều kiện tiên quyết để việc tiếp thu kiến thức có hiệu quả chính là thái độ của chính người học khi học bộ môn đó (Gardner, 1985; Schumann, 1976). Thái độ học tập thể hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau bao gồm mức độ hứng thú, chuyên cần, chăm chú nghe giảng, ghi chép bài, phát biểu ý kiến, hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên lớp, cũng như việc chủ động đọc tài liệu, giáo trình, tài liệu tham khảo, chuẩn bị bài trước khi lên lớp (Wenden, 1991; Ellis, 1994), đặc biệt với SV những người cần dành phần lớn thời gian cho việc tự học. Khi người học có thái độ học tập đúng đắn (ng nghiêm túc và chuyên tâm) với môn học đó thì kết quả học tập cũng dần được cải thiện; ngược lại, khi thái độ học tập chưa cao ngay cả một học viên thông minh cũng khó duy trì việc học một ngôn ngữ rất phổ biến (Dörnyei & Ushioda, 2001). Mặc dù ở Việt Nam đã có nhiều đề tài giáo dục nghiên cứu về thái độ học tập môn học của người học ngôn ngữ và ngoại ngữ nói chung (Tôn, 2011; Đặng, 2014), nhưng chưa có nhiều nghiên cứu ứng dụng đối với học sinh dân tộc thiểu số, đặc biệt khu vực Tây Bắc nơi có tỷ lệ học sinh dân tộc cao.

Để tìm hiểu thái độ học tập môn Tiếng Anh không chuyên của SV DTTS tại Trường ĐH Tây Bắc, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với 125 SV năm thứ 1, 2 các ngành Kế toán, Giáo dục tiểu học và Công nghệ thông tin, trong đó có 66 SV năm 2 và 59 SV năm 1 hệ đại học thông qua bảng hỏi. Ngoài ra, số liệu nghiên cứu còn được thu thập qua phương pháp phỏng vấn với 5 SV (3 SV năm 1 và 2 SV năm 2) qua ứng dụng Zoom. Số liệu được phân tích sử dụng phương pháp thống kê mô tả toán học, để trả lời câu hỏi nghiên cứu: “Thái độ học tập môn TA không chuyên của SV DTTS tại ĐHTB như thế nào?”

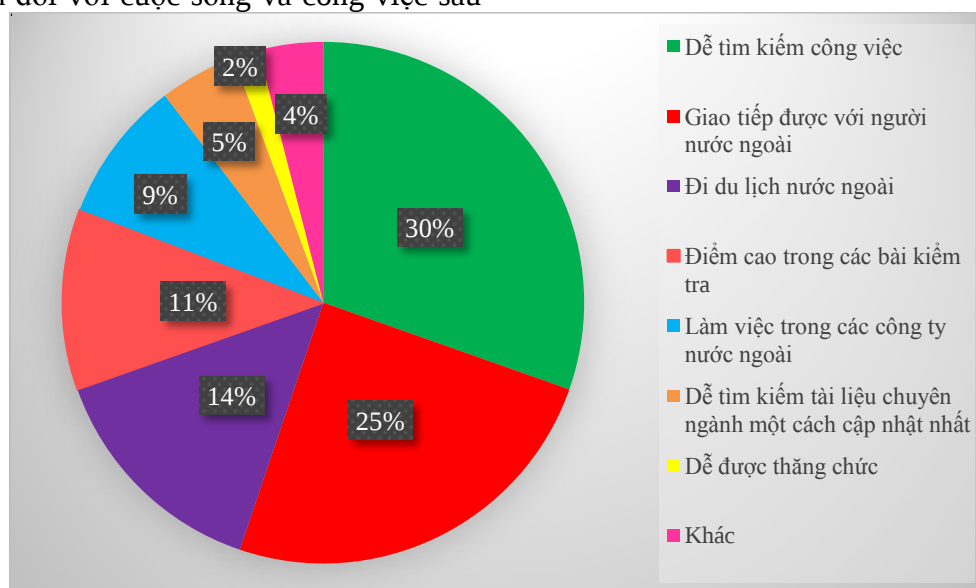
2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả sử dụng các phương pháp: phương pháp phỏng vấn và phương pháp thống kê toán học. Thời gian khảo sát bắt đầu từ tháng 9/2021 đến tháng 02/2022. Kết quả thu được cụ thể như sau:

2.1. Nhận thức về môn học

Đa số SV nhận thức được vai trò của môn tiếng Anh đối với cuộc sống và công việc sau

này. Khi được hỏi về lợi ích của việc học tiếng Anh thông qua câu hỏi mở “Theo em, học tiếng Anh có lợi ích gì?”, đa số SV (88,8%) đều đưa ra các câu trả lời và ví dụ cụ thể như học tiếng Anh giúp các em có nhiều cơ hội việc làm hơn, hiểu biết về thế giới và các nền văn hóa khác, dễ dàng và tự tin hơn trong giao tiếp, mở rộng các mối quan hệ, tiếp cận và làm chủ công nghệ... Đồng thời, khi được hỏi “Mục đích chính em học tiếng Anh là gì?”, đa số SV đều cho rằng tiếng Anh giúp các em dễ dàng tìm kiếm việc làm hơn (30%), giao tiếp được với người nước ngoài (25%), đi du lịch nước ngoài (14%), hay được làm việc trong các công ty nước ngoài (9%). Một số ít SV cho rằng học tiếng Anh tốt giúp các em dễ dàng thăng tiến hơn trong công việc sau này (2%) hoặc phục vụ các mục đích cá nhân khác (4%) như xem phim không cần phụ đề hoặc chơi game. Tuy nhiên, một số ít SV (11%) cho rằng tiếng Anh chỉ là một môn học bắt buộc trong chương trình và việc học chỉ nhằm mục đích đạt điểm cao trong các kì kiểm tra (xem Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Mục đích học tập môn tiếng Anh của SV DTTS

2.2. Hứng thú, tình cảm với môn học

Bảng 1. Mức độ hứng thú của SV DTTS đối với việc học môn tiếng Anh

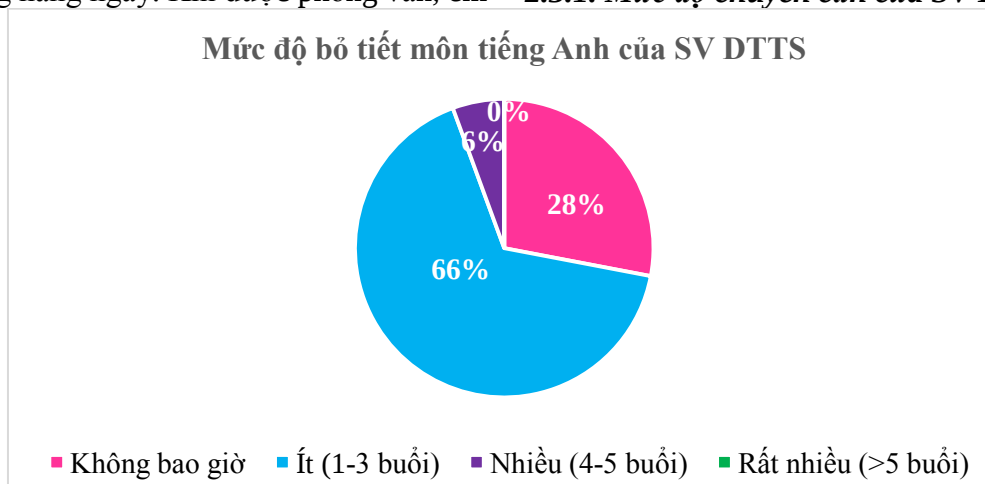
	Rất thích		Thích		Không thích		Rất không thích		Không rõ	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Em có thích học môn tiếng Anh không?	0	0	8	6,4	94	75,2	23	18,4	0	0

Từ Bảng 1 có thể thấy dù nhận thức được vai trò của tiếng Anh trong cuộc sống và công việc sau này, cũng như đã xác định được mục đích học tập của mình, nhưng phần lớn SV DTTS (93,6%) lại cảm thấy không thích thú với việc học môn Tiếng Anh. Tìm hiểu nguyên nhân của việc không có hứng thú với môn học này, đa số SV DTTS đều cho rằng việc học môn tiếng Anh là rất khó, nằm ngoài khả năng của các em. “*Em đã thử quyết tâm học tiếng Anh nhưng học mãi vẫn không được*” (B.C.M - K61 ĐH Kế toán). Một nguyên nhân chủ yếu nữa là do các em bị rỗng kiến thức tiếng Anh từ bậc phổ thông, cộng với tính thiếu thực tế của môn học khi các em học Tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 3 nhưng gần như không bao giờ hoặc rất ít khi được sử dụng tiếng Anh trong cuộc sống hàng ngày. Khi được phỏng vấn, em

L.T.H (K62 ĐH GDTHA) cho biết: “*em chưa bao giờ được sử dụng tiếng Anh trong cuộc sống hàng ngày, cũng chưa bao giờ có cơ hội tiếp xúc với người nước ngoài để thực hành tiếng Anh*”. Phần lớn SV DTTS học tập tại trường đến từ những địa bàn miền núi xa xôi - nơi mà ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày chủ yếu là tiếng dân tộc và tiếng Việt. Tuy nhiên, một số rất ít SV (6,4%) cho biết có hứng thú với bộ môn này, bởi theo các em, việc học tiếng Anh giúp các em hiểu biết hơn về thế giới, về các quốc gia và các nền văn hóa khác, đồng thời các em cũng dễ dàng sử dụng máy tính, điện thoại, nghe nhạc, xem phim, chơi game, giao tiếp được với người nước ngoài, và dễ xin việc hơn.

2.3. Hành vi học tập

2.3.1. Mức độ chuyên cần của SV DTTS



Biểu đồ 2: Mức độ bỏ tiết môn tiếng Anh 1, 2 của SV DTTS

Biểu đồ 2 cho thấy phần lớn SV chưa thực sự coi trọng việc lên lớp ở học phần môn tiếng Anh. 72% SV tham gia trả lời phiếu khảo sát đã nghỉ ít nhất một buổi học, số SV nghỉ học từ 1-3 buổi chiếm đa số (66%), số SV đi học đầy đủ tất cả các buổi chiếm 28%, và 6% SV

nghỉ học 4-5 buổi là những SV có nguy cơ bị cấm thi.

2.3.2. Thái độ học tập trên lớp

Kết quả tự đánh giá mức độ thực hiện các hoạt động học tập của SV được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 2: Thái độ học tập môn Tiếng Anh trên lớp của SV

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện %		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Chăm chú nghe giảng	59,2%	36%	4,8%
2	Ghi chép bài giảng đầy đủ	68%	18,4%	13,6%
3	Sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV	13,6%	33,6%	52,8%
4	Tích cực phát biểu ý kiến	28,8%	31,2%	40%
5	Chủ động phát hiện và đưa ra các vấn đề cần giải quyết liên quan đến môn học.	2,4%	4%	93,6%
6	Hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao	10,4%	36%	53,6%

Dựa trên số liệu thống kê ở bảng trên có thể nhận thấy nhiều SV có thái độ học tập trên lớp nghiêm túc, thể hiện ở sự chăm chú nghe giảng và ghi chép bài đầy đủ. Tuy nhiên, đa số SV vẫn chưa tích cực, chủ động trong việc học môn Tiếng Anh, cụ thể: chỉ có 13,6% SV thường xuyên sẵn sàng trả lời câu hỏi của GV, trong khi đó 52,8% SV không bao giờ tham gia. Có đến 40% SV không bao giờ phát biểu ý kiến trong cả kì học (15 tuần học, 2-3 buổi/tuần, 100-150 phút/ buổi), chỉ có 28,8% SV thường xuyên tích cực phát biểu ý kiến, 31,2% SV thỉnh thoảng chủ động hoặc bị GV chỉ định. Đặc biệt, đa số SV (93,6%) không chủ động phát hiện và đưa ra các vấn đề cần giải quyết liên quan đến môn học. Nguyên nhân của những sự thiếu chủ động này ở SV được cho là từ sự không chắc chắn và thiếu hụt trong kiến thức, dẫn đến sự không tự tin vào các câu trả lời của chính bản thân mình, “*Em rất sợ mỗi khi bị cô giáo gọi lên bảng vì em không biết câu trả lời, nhiều cái đối với em đều mới dù khi nghe cô giảng thì em thấy quen vì đã được học ở phổ thông. Một số điều em biết nhưng sợ sai nên em cũng không dám dơ*

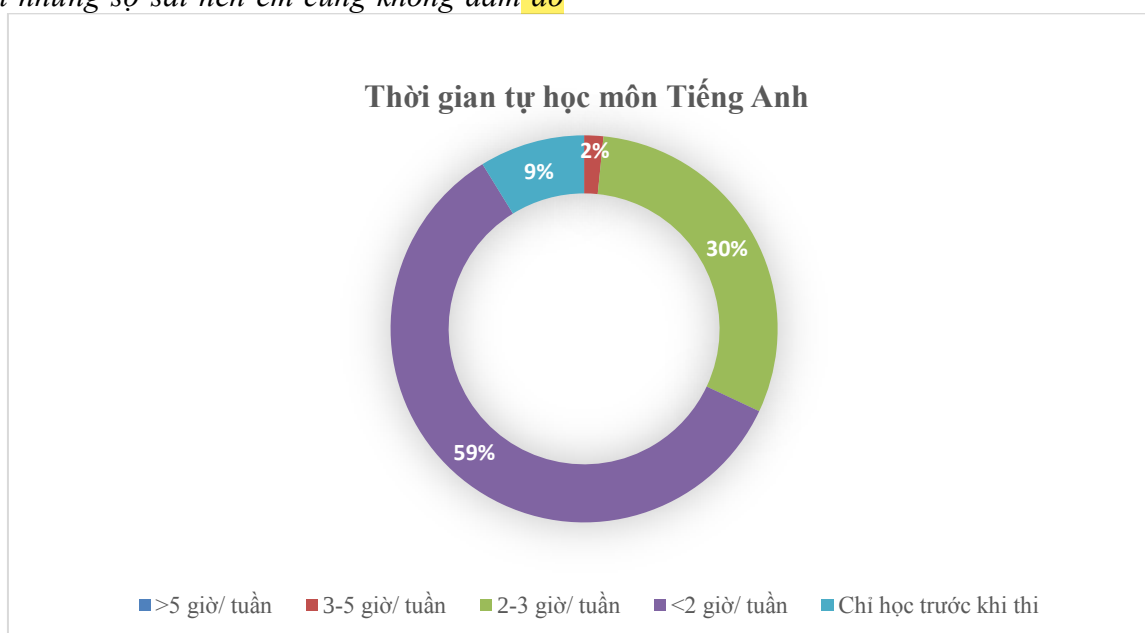
tay.” (C.T.V - K62 ĐH CNTT). Cũng theo SV này, nhiều bạn SV trong lớp cũng gặp tình trạng tương tự, vì thế nên mỗi khi GV hỏi, rất ít hoặc gần như không có SV nào giơ tay trả lời dù câu hỏi không quá khó. Hơn nữa, phần lớn SV vẫn có thói quen học tập cũ ở bậc phổ thông - ngồi nghe GV giảng, ghi chép và chỉ thực hiện nhiệm vụ khi GV yêu cầu. Có lẽ từ những sự thiếu hụt này cùng với yêu cầu về tính tự giác cao ở bậc đại học (GV không kiểm tra bài cũ hoặc vở ghi chép), nhiều SV (53,6%) không hoàn thành các nhiệm vụ học tập mà GV giao:

“*Cô giáo thường xuyên giao bài nhưng không bao giờ kiểm tra việc làm bài của chúng em, vì vậy có rất nhiều bài trong giáo trình và sách bài tập em không làm.*” (L.N.A - K61 ĐH Kế toán)

Như vậy, kết quả thu được từ phiếu khảo sát và phỏng vấn cho thấy mức độ thể hiện thái độ học tập tốt của SV DTTS ở Trường ĐH Tây Bắc là chưa cao.

2.3.3. Thái độ học tập ở nhà

a) Thời gian tự học môn tiếng Anh



Biểu đồ 3: Thời gian tự học dành cho môn Tiếng Anh

Số liệu thu được ở Biểu đồ 3 cho thấy phần lớn sinh viên dành khá ít thời gian tự học. Khi được hỏi về thời gian tự học ở nhà dành cho môn tiếng Anh, đa số SV đều nhận thức được rằng môn học này không thể học dồn vào cuối kì, trước các kì thi, vì thế số SV không dành thời gian học môn này trong suốt kì học chiếm

tỉ lệ thấp (8,8%). Tuy nhiên, số đông SV lại chưa thực sự dành nhiều thời gian cho môn học này; cụ thể: 59,2% SV dành chưa đến 2 giờ mỗi tuần để học Tiếng Anh, 30,4% SV dành 2-3 giờ/ tuần cho môn học này, và không có SV nào dành quá 5 giờ/ tuần. Khi được hỏi

vì sao SV dành quá ít thời gian cho môn học này, 1 SV ngành Kế toán trả lời:

“Tiếng Anh là môn mà chúng em khó có thể tự học nếu không có sự hỗ trợ, giảng giải

của GV... mà đọc tài liệu thì khó hiểu nên gần như không dành thời gian cho môn này”.

(Q.T.T - K62 ĐH GDTHA)

b) Hoạt động học tập ở nhà

Bảng 3: Thái độ học tập môn Tiếng Anh ở nhà của SV

T T	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Đọc tài liệu và chuẩn bị bài trước khi lên lớp	0	12 (9,6%)	113 (90,4%)
2	Học và làm bài tập về nhà đầy đủ	3 (2,4%)	33 (26,4%)	89 (71,2%)
3	Đọc thêm tài liệu tham khảo và sử dụng các công cụ học tập khác nhằm củng cố, bổ sung thêm kiến thức đã học trên lớp	5 (4%)	38 (30,4%)	82 (65,6%)
4	Hệ thống hóa lại những kiến thức đã học được	2 (1,6%)	96 (76,8%)	27 (21,6%)
5	Tự tổ chức việc học ngoài giờ lên lớp (cặp, nhóm)	0	78 (62,4%)	47 (37,6%)

Từ kết quả khảo sát trên có thể nhận thấy việc học môn Tiếng Anh ở nhà của SV DTTS chủ yếu mang tính thụ động (xem Bảng 3). Đa số SV không bao giờ chuẩn bị bài trước khi đến lớp (90,4%), cũng như học và làm bài tập về nhà đầy đủ (71,2%). Nhiều SV (65,6%) không đọc thêm tài liệu tham khảo và sử dụng các công cụ học tập khác nhằm củng cố, bổ sung thêm kiến thức đã học trên lớp. Khi được hỏi, hơn 30% SV cho biết không sử dụng tài liệu tham khảo nhiều vì đọc khó hiểu, vì thế các em lựa chọn sử dụng một số ứng dụng học tập trên điện thoại với nhiều hình ảnh, âm thanh sinh động và đa dạng các hoạt động để củng cố vốn từ vựng, kỹ năng nghe và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản. Việc hệ thống hóa lại những kiến thức đã học được gần như không được SV chú trọng, mà chủ yếu được thực hiện vào trước các kỳ thi (76,8%), thậm chí có 21,6% SV chưa bao giờ thực hiện việc này. Tương tự đối với việc tự tổ chức việc học ngoài giờ lên lớp, 62,4% SV (đa số SV năm 2) cho biết chỉ thực hiện hoạt động tập nói cặp trước khi thi kết thúc học phần, trong khi đó 37,6% SV (năm thứ 1 K62) chưa bao giờ học cùng bạn hay nhóm bạn do việc thi kỹ năng nói thực hiện độc lập.

3. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Thông qua kết quả nghiên cứu có thể nhận thấy sự mâu thuẫn trong nhận thức với hứng thú và hành vi học tập môn tiếng Anh của SV DTTS tại Trường ĐHTB. Dù nhận thức rõ tiếng Anh có vai trò quan trọng trong cuộc sống và công việc sau này, nhưng hứng thú, tình cảm và hành vi học tập trên lớp cũng như ở nhà của các em dành cho môn học chưa đúng đắn và tích cực, đây có lẽ là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả học tập bộ môn này của các em chưa cao. Kết quả này cũng tương thích với những kết luận của Dörnyei và Ushioda (2001), khi thái độ học tập chưa thực sự nghiêm túc và chuyên tâm thì việc học không đạt hiệu quả cao.

3.2. Kiến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, đánh giá thái độ học tập môn tiếng Anh của SV DTTS tại trường ĐH Tây Bắc, tác giả có một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả dạy - học bộ môn này như sau:

Việc nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa thực tế của môn TA có vai trò quan trọng nhằm giúp người học có một thái độ học tập tích cực, chủ động với môn học. Việc tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp, thực tế và đa dạng, phát huy tính chủ động của SV là rất cần thiết như tạo ra các tình huống học tập, sân chơi giúp SV có cơ hội thực hành và rèn luyện ngôn ngữ (Lê, 2011; Nhat, 2011). Đồng thời,

GV cần sát sao hơn nữa kiểm tra việc học và làm bài ở nhà của SV, cũng như thiết kế các hoạt động trên các ứng dụng dạy học nhằm thu hút sự chú ý và tham gia của nhiều SV, chứ không phải chỉ tập trung vào một số SV tích cực. Một số ứng dụng mà SV cho biết cảm thấy rất thích khi được GV sử dụng trong các bài học bao gồm Quizizz, Kahoot và Wordwall. GV cũng cần hướng dẫn SV cách tự học tiếng Anh ở nhà, cách khai thác các nguồn học liệu khác như các ứng dụng hoặc website học tiếng Anh trực tuyến, các sách tham khảo, hỗ trợ đáng tin cậy. Hơn nữa, các hoạt động dạy học cần tập trung nhiều vào việc rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ hơn nữa, song song với việc nâng cao kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp).

Đối với SV, việc tuân thủ các yêu cầu của môn học như tham gia lớp học đầy đủ, làm bài tập và chuẩn bị các nội dung bài học trước khi đến lớp không chỉ là nghĩa vụ, mà còn là trách nhiệm của chính các em đối với việc học của bản thân. Đồng thời, SV DTTS cần tự nâng cao nhận thức của mình về vai trò cũng lợi ích của việc học tiếng Anh thông qua việc chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp cũng như ở nhà vì ở lứa tuổi này các em đã có thể làm chủ chính việc học của bản thân. SV có thể chủ động tự tạo ra các tình huống thực tế để áp dụng những kiến thức đã học vào trong cuộc sống như đọc các biển hiệu, hướng dẫn bằng tiếng Anh hay nghe các bài hát tiếng Anh, v.v. Việc thay đổi phong cách học từ bị động sang chủ động đóng vai trò quan trọng trong việc tạo hứng thú học tập ở SV; do đó, SV cần mạnh dạn, cởi mở hơn để sẵn sàng tham gia phát biểu, trao đổi bài học với GV cũng như các bạn SV khác (Nam & Quyen, 2014). Bên cạnh đó, SV cần chủ động tìm kiếm thêm và tiếp cận các nguồn học liệu sẵn có như các phần mềm học tiếng Anh miễn phí trên điện thoại, máy tính thay vì chỉ phụ thuộc vào lượng kiến thức mà GV truyền đạt trên lớp và giáo trình được cung cấp. Việc ôn tập và củng cố kiến thức cũng nên được thực hiện một cách thường xuyên, tránh gập dồn dập vào giai đoạn cuối kì, trước mỗi kì thi bởi việc tích lũy kiến thức, đặc biệt với các môn kĩ năng thực hành tiếng luôn đòi hỏi việc trau dồi kiến thức và kĩ năng một cách thường xuyên, liên tục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bui, T. T. N. (2018). Engagement in Language Policies and Practices with and for Vietnam Minority Student Youth. *Journal of Language, Identity, and Education*, 17(5), p.277-291.
- [2]. Dörnyei, Z. & Ushioda, E. (2001). *Teaching and Researching Motivation*. (2nd edi.). Diako Language Academy.
- [3]. Đặng, T. V. A. (2014). *Tìm hiểu thái độ của sinh viên đối với việc học tiếng Anh và các hoạt động học trên lớp*. Tạp chí khoa học giáo dục kỹ thuật, 30, p.73-79.
- [4]. Ellis, R. (1994). A theory of instructed second language acquisition. In N. Ellis (Ed.), *Implicit and explicit learning of languages*. Academic Press.
- [5]. Gardner, R. (1985). *Social Psychology and Second Language Learning: the Role of Attitudes and Motivation*. London: Edward Arnold.
- [6]. Lê, T. H., “Ảnh hưởng của phương pháp giảng dạy đến động lực học tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất, khối ngành Kinh tế Đại học Văn Lang,” Luận văn thạc sĩ, Viện đảm bảo chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2011.
- [7]. Nam, N. H. & Quyen, C. T. (2014). Nâng cao hứng thú học tập cho Sinh viên Trường Cao đẳng nghề. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. 59(8), p.142-150.
- [8]. Nhat T. N. M. (2011). Bước đầu khảo sát thái độ đối với môn tiếng Anh của học sinh tiểu học tỉnh Bình Định. *Tạp chí Giáo dục*, 269(1), p.48-50.
- [9]. Cam, T. H. K. (2015). *Teaching English Grammar Communicatively: Theories, Principles and Implications in English Teaching in Vietnam*. *International Journal of English Language Teaching*, 2(2), p.68-76.
- [10]. Schumann, J. H. (1976). Second Language Acquisition: The Pidginization hypothesis. *Language Learning*, 26(2), p.391-408.
- [11]. Tôn, N. M. N. (2011). *Bước đầu khảo sát thái độ đối với môn tiếng Anh của học sinh tiểu học tỉnh Bình Định*. Tạp chí giáo dục, 269(1), p.48-50.
- [12]. Wenden, A. (1991). *Learner Strategies for Learner Autonomy*. Prentice Hall, New York.

A STUDY ON ENGLISH NON-MAJORED MINORITY STUDENTS' LEARNING MOTIVATION OF ENGLISH LANGUAGE LEARNING AT TAY BAC UNIVERSITY

Nguyen Duc An
Tay Bac University

Abstract: *To learn any second or foreign language effectively, learning attitude to that subject is the main key. With the positive learning attitudes, learners' learning result is gradually improved. To investigate minority students' attitudes towards English language learning at Tay Bac University, this study was conducted to 125 English non-majored first-and-second-year university students based on their perception, emotion, and behaviors towards English subject. The findings illustrate that most of minority students comprehend how important English is to their future life and work; however, their attitudes towards this subject are not very positive, which may lead to their low academic achievement. The study proposes some recommendations to improve minority students' positive attitudes as well as the teaching and learning effectiveness of this subject.*

Key words: *learning attitudes, minority students, English, Tay Bac University.*

Ngày nhận bài: 18/3/2022. Ngày nhận đăng 16/6/2022.

Liên lạc: Nguyễn Đức Ân, e-mail: ducan.ffl@utb.edu.vn